

## BÁO CÁO

**Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách hỗ trợ  
đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục  
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025); Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP; Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

### I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

#### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong giai đoạn hiện nay, giáo dục và đào tạo tiếp tục được xác định có vai trò quan trọng đối với phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; triển khai chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới quản trị nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ và hội nhập quốc tế đã đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục. Trong điều kiện nhiệm vụ giáo dục ngày càng lớn, yêu cầu về chuẩn trình độ được đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm, năng lực quản trị, năng lực ngoại ngữ, năng lực số và khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới trở thành yêu cầu thường xuyên, lâu dài. Chính sách hỗ trợ đào tạo là giải pháp hỗ trợ về kinh phí cho cá nhân được cử đi học, đồng thời

là nhiệm vụ quan trọng để địa phương chủ động xây dựng, phát triển đội ngũ, bảo đảm chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Về bối cảnh pháp lý, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP tiếp tục là căn cứ để thực hiện chính sách chi trả học phí, truy lĩnh học phí đối với nhà giáo, cán bộ quản lý thuộc diện nâng trình độ chuẩn được đào tạo. Bên cạnh đó, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP; Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức là căn cứ pháp lý quan trọng để xác định đối tượng, điều kiện, nội dung, mức chi, nguồn kinh phí và trách nhiệm quản lý kinh phí đào tạo, bồi dưỡng. Đồng thời, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo là căn cứ đặc biệt quan trọng để cụ thể hóa mục tiêu phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành giáo dục; làm cơ sở xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo bảo đảm đúng thẩm quyền, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030.

Đối với tỉnh Thái Nguyên, Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 và Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 đã xác định nhiệm vụ phát triển đội ngũ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu của tỉnh, đồng thời bảo đảm cơ sở pháp lý để bố trí kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trong giai đoạn 2026 - 2030.

Dự thảo Nghị quyết dự kiến quy định bốn nhóm chính sách: chính sách chi trả học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non; chính sách chi trả học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn; chính sách hỗ trợ đào tạo cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục công lập và công chức ngành giáo dục được cử đi đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo và đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học.

Qua rà soát dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết, tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến là 94.650.648.000 đồng, với tổng số 1.571 người dự kiến tham gia các nội dung đào tạo, hỗ trợ. Trong đó: chi trả học phí, truy lĩnh học phí đối với nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non cho 858 người, kinh phí dự kiến 24.577.230.000 đồng; hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí đào tạo đạt trình độ chuẩn đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập cho 78 người, kinh phí dự kiến 1.703.418.000 đồng; hỗ trợ đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non cho 52 người, mức hỗ trợ 80.000.000 đồng/người/khóa đào tạo, kinh phí dự kiến 4.160.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo trình độ thạc sĩ cho 375 người, mức hỗ trợ 110.000.000 đồng/người/khóa đào tạo, kinh phí dự kiến 41.250.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo trình độ tiến sĩ cho 12 người, mức hỗ trợ 280.000.000 đồng/người/khóa đào tạo, kinh phí dự kiến 3.360.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh cho 196 người, mức hỗ trợ 100.000.000 đồng/người/khóa đào tạo, kinh phí dự kiến 19.600.000.000 đồng. Số liệu này là căn cứ thực tiễn quan trọng để đánh giá tác động ngân sách, xác định tính khả thi của chính sách và làm rõ sự cần thiết trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết.

Nếu không có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, việc tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo sẽ thiếu cơ sở pháp lý thống nhất để áp dụng trong phạm vi toàn tỉnh, nhất là đối với nhóm chính sách của tỉnh như hỗ trợ cho cơ sở giáo dục ngoài công lập, đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo và đào tạo đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh. Điều đó có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Đề án số 16-ĐA/TU, Quyết định số 2737/QĐ-UBND, lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo và mục tiêu phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2026 - 2030.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Mục tiêu tổng quát của chính sách là tạo cơ sở pháp lý và nguồn lực ngân sách để hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; bảo đảm thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo; nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực quản lý, năng lực ngoại ngữ của đội ngũ; góp phần xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đạt chuẩn và từng bước nâng cao chất lượng.

Mục tiêu cụ thể của chính sách là bảo đảm cơ sở để chi trả học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập đã tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non theo yêu cầu chuẩn hóa trình độ được đào tạo; chi trả học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập đã tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn theo quy định. Đồng thời, chính sách nhằm hỗ trợ đào tạo cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và công chức ngành giáo dục được cử đi đào tạo trên

chuẩn trình độ được đào tạo đáp ứng điều kiện về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, nhu cầu sử dụng và kế hoạch phát triển đội ngũ của ngành; hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học, góp phần từng bước xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục có năng lực ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh, thực hiện định hướng đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Chính sách đồng thời hướng đến mục tiêu bảo đảm việc cử đi đào tạo gắn với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm, nhu cầu sử dụng, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành giáo dục; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng; nâng cao trách nhiệm của người được hỗ trợ đào tạo thông qua cam kết thực hiện nhiệm vụ sau đào tạo; bảo đảm kinh phí được quản lý, sử dụng đúng quy định, có khả năng kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Hỗ trợ học phí, chi trả truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non**

### ***1.1. Đánh giá tác động***

*a) Giải pháp 1:* Không quy định chính sách hỗ trợ học phí, chi trả truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Trường hợp không quy định chính sách chi trả học phí, truy lĩnh học phí trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc thanh toán học phí đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non đã tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non sẽ tiếp tục thực hiện theo các quy định chung của pháp luật về giáo dục, ngân sách nhà nước và đào tạo, bồi dưỡng. Giải pháp này không đặt ra quy định mới của địa phương, không bổ sung cơ chế chính sách đặc thù của tỉnh đối với nhóm đối tượng đã hoàn thành đào tạo nhưng chưa được thanh toán học phí.

Tuy nhiên, Nghị định số 311/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định về lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trong đó có nội dung liên quan đến việc thanh toán, truy lĩnh học phí đối với giáo viên thuộc đối tượng nâng trình độ chuẩn. Nếu không quy định chính sách chi trả học phí, truy lĩnh học phí trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh sẽ thiếu cơ sở pháp lý cụ thể để thống nhất về phạm vi đối tượng, điều kiện hưởng, mức thanh toán, thời hạn hoàn thành, nguồn kinh phí và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Đồng thời, chưa bảo đảm đầy đủ quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

mầm non đã tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn. Việc chưa có chính sách nên chưa tạo được cơ chế động viên, khích lệ đủ mạnh để đội ngũ nhà giáo chủ động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ nhằm thực hiện chủ trương chuẩn hóa đội ngũ giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp này không làm tăng nhiệm vụ chi ngân sách địa phương cho nội dung chi trả học phí, truy lĩnh học phí. Tuy nhiên, việc không chi trả học phí, truy lĩnh học phí đối với người học đã tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn sẽ tạo áp lực tài chính cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục mầm non đã tự bố trí kinh phí học tập trong thời gian trước đây để đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa trình độ được đào tạo. Đối với đội ngũ mầm non, phần lớn là nữ, thu nhập còn phụ thuộc vào vị trí việc làm, loại hình cơ sở giáo dục và điều kiện của từng đơn vị, việc chưa được hỗ trợ học phí có thể phần nào ảnh hưởng đến tâm lý, động lực nghề nghiệp và sự đồng thuận trong thực hiện chính sách chuẩn hóa đội ngũ.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, nếu không có cơ chế chi trả học phí, truy lĩnh học phí phù hợp, giáo viên và cán bộ quản lý đã chủ động tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn có thể không được bảo đảm quyền lợi tương đồng với nhóm công lập trong cùng yêu cầu chuẩn hóa. Điều này chưa khuyến khích khu vực ngoài công lập tham gia phát triển đội ngũ theo định hướng chung của tỉnh, trong khi giáo dục mầm non ngoài công lập là bộ phận quan trọng trong hệ thống giáo dục, góp phần đáp ứng nhu cầu gửi trẻ, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em trên địa bàn.

- Tác động về giới: Chính sách liên quan trực tiếp đến đội ngũ giáo dục mầm non, là lĩnh vực có tỷ lệ lao động nữ cao. Trường hợp không quy định chi trả học phí, truy lĩnh học phí, tập trung nhiều vào nhà giáo, cán bộ quản lý nữ đã tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non nhưng chưa được thanh toán học phí. Việc không có cơ chế hỗ trợ có thể làm giảm cơ hội tiếp cận công bằng của nữ nhà giáo trong phát triển nghề nghiệp, nâng cao trình độ, ổn định đời sống và yên tâm công tác lâu dài trong ngành.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không đặt ra quy trình rà soát, thẩm định, phê duyệt, thanh toán học phí, truy lĩnh học phí theo chính sách mới. Tuy nhiên, việc tổng hợp hồ sơ, xác định đối tượng đã học, thời điểm được cấp bằng, mức học phí đã nộp, nguồn kinh phí thanh toán và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị sẽ gặp khó khăn nhất định. Điều đó có thể làm cho quá trình giải quyết quyền lợi của đội ngũ thiếu đồng bộ, thiếu minh bạch và khó kiểm tra, giám sát.

*b) Giải pháp 2:* Ban hành chính sách hỗ trợ học phí, chi trả truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách hỗ trợ học phí, chi trả truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non phù hợp với chủ trương chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, phù hợp với Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các nghị định của Chính phủ về lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

Nếu có chính sách sẽ tạo cơ sở pháp lý cụ thể để địa phương xác định rõ đối tượng được chi trả học phí, truy lĩnh học phí là nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập đã tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non, đã được cấp bằng tốt nghiệp đạt yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo nhưng chưa được cơ quan, đơn vị thanh toán học phí đào tạo. Việc quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm tính công khai, minh bạch, thống nhất, đúng thẩm quyền và phù hợp với trách nhiệm của địa phương trong phát triển đội ngũ giáo dục mầm non.

Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập, việc đưa nhà giáo, cán bộ quản lý mầm non ngoài công lập vào phạm vi chính sách thể hiện sự thống nhất trong yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ giữa các loại hình cơ sở giáo dục, bảo đảm nguyên tắc công bằng trong phát triển giáo dục, đồng thời phù hợp với định hướng huy động, khuyến khích và hỗ trợ khu vực ngoài công lập tham gia phát triển giáo dục mầm non.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp này yêu cầu bố trí ngân sách địa phương để chi trả học phí, truy lĩnh học phí cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định. Theo số liệu rà soát dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết, kinh phí chi trả học phí, truy lĩnh học phí dự kiến là 24.577.230.000 đồng. Số kinh phí này được xác định trên cơ sở rà soát thực tế của đội ngũ đã tham gia đào tạo, đã hoàn thành chương trình đào tạo, được cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa được thanh toán học phí và nhu cầu đào tạo của đội ngũ trong giai đoạn 2026-2030. Vì vậy, chính sách có cơ sở thực tiễn rõ ràng, có đối tượng cụ thể, có khả năng lượng hóa và có thể đưa vào kế hoạch ngân sách theo lộ trình.

Tác động tích cực của chính sách là bảo đảm quyền lợi cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục mầm non đã thực hiện việc học tập, nâng trình độ chuẩn theo yêu cầu của pháp luật; giảm gánh nặng chi phí đào tạo mà cá nhân đã tự bố trí trong thời gian trước đây; tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của đội ngũ đối với chủ trương chuẩn hóa, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non. Chính sách cũng khuyến khích đội ngũ giáo dục mầm non tiếp tục tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Việc chi trả học phí, truy lĩnh học phí góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giáo dục mầm non, từ đó các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài

công lập đảm bảo đội ngũ đạt chuẩn trình độ được đào tạo, chất lượng dịch vụ giáo dục, chăm sóc trẻ em. Chính sách cũng góp phần thu hẹp khoảng cách về điều kiện phát triển nghề nghiệp giữa đội ngũ công lập và ngoài công lập, tạo môi trường phát triển giáo dục mầm non công bằng, ổn định và bền vững hơn.

- Tác động về giới: Chính sách có tác động tích cực về giới. Giáo dục mầm non là lĩnh vực có tỷ lệ nữ cao trong đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Việc chi trả học phí, truy lĩnh học phí cho người đã tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non góp phần bảo đảm quyền lợi thiết thực cho nữ nhà giáo, giảm gánh nặng tài chính, tạo điều kiện để đội ngũ nữ tiếp tục gắn bó với nghề, nâng cao năng lực, vị thế nghề nghiệp và cơ hội phát triển. Chính sách không quy định phân biệt theo giới, nhưng do đặc thù cơ cấu đội ngũ mầm non, tác động hỗ trợ đối với lao động nữ là phù hợp với yêu cầu thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không đặt ra thủ tục hành chính mới đối với cá nhân thụ hưởng, cơ sở giáo dục hoặc cơ quan quản lý nhà nước. Việc rà soát, tổng hợp, đối chiếu, xác nhận danh sách, thanh toán và quyết toán kinh phí được thực hiện trong quy trình quản lý nội bộ và quy trình quản lý ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành. Hồ sơ làm căn cứ chi trả chủ yếu sử dụng các tài liệu đã có trong quá trình quản lý, gồm quyết định hoặc văn bản cử đi đào tạo, văn bản xác nhận thuộc đối tượng nâng trình độ chuẩn, bằng tốt nghiệp, chứng từ hoặc xác nhận học phí của cơ sở đào tạo, xác nhận chưa được thanh toán học phí và danh sách tổng hợp của cơ quan, đơn vị quản lý.

Việc tổ chức thực hiện chính sách cần đề cao trách nhiệm của người thụ hưởng trong việc kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh quá trình tham gia đào tạo, mức học phí đã nộp và tình trạng chưa được thanh toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu cung cấp. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục có trách nhiệm rà soát đúng đối tượng, kiểm tra hồ sơ ban đầu, xác nhận thông tin, lập danh sách đề nghị chi trả, công khai trong đơn vị, không để xảy ra việc đề nghị chi trả sai đối tượng, sai mức, trùng lặp hoặc không đủ điều kiện. Các cơ sở giáo dục, theo thẩm quyền quản lý nhân sự, chịu trách nhiệm toàn diện về việc rà soát, xác định đối tượng, kiểm tra điều kiện, đối chiếu hồ sơ, xác nhận quá trình đào tạo, mức học phí đã nộp, tình trạng chưa được thanh toán học phí và lập danh sách đề nghị chi trả truy lĩnh học phí; bảo đảm đúng người, đúng điều kiện, đúng nội dung, đúng mức hỗ trợ, không trùng lặp và không bỏ sót đối tượng đủ điều kiện. Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, danh sách đề nghị chi trả và các thông tin liên quan đến viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị.

## ***1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp***

Giải pháp tối ưu được lựa chọn là ban hành chính sách hỗ trợ học phí, chi trả truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non (công lập, ngoài công lập) tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên

trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non.

Việc lựa chọn giải pháp này là cần thiết vì bảo đảm quyền lợi chính đáng của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non đã tham gia đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non để đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa trình độ được đào tạo; đồng thời tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để địa phương bố trí kinh phí, tổ chức chi trả, kiểm tra, giám sát và quyết toán theo đúng quy định. Chính sách thể hiện sự quan tâm của tỉnh đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục mầm non ở cả khu vực công lập và ngoài công lập, bảo đảm công bằng trong phát triển đội ngũ, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Với kinh phí chi trả học phí và truy lĩnh học phí dự kiến 24.577.230.000 đồng cho 858 người, chính sách có phạm vi cụ thể, đối tượng rõ, số liệu có thể kiểm chứng thông qua hồ sơ đào tạo và chứng từ học phí. Số kinh phí này có ý nghĩa trực tiếp trong việc giảm gánh nặng tài chính cho đội ngũ đã hoàn thành đào tạo, tạo sự đồng thuận trong thực hiện chủ trương nâng trình độ chuẩn, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

## **2. Chính sách 2: Hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn**

### *2.1. Đánh giá tác động*

*a) Giải pháp 1:* Không quy định chính sách hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Trường hợp không quy định chính sách hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc đào tạo đạt trình độ chuẩn đối với nhóm đối tượng này sẽ chủ yếu thực hiện theo trách nhiệm của cá nhân, cơ sở giáo dục ngoài công lập và các quy định chung có liên quan. Giải pháp này không bổ sung cơ chế chính sách của địa phương, không đặt ra quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ngoài công lập.

Tuy nhiên, Nghị định số 311/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung Nghị định số 71/2020/NĐ-CP theo hướng mở rộng căn cứ thực hiện chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thuộc các cơ sở giáo dục ngoài công lập trong lộ trình đào tạo đạt chuẩn trình độ chuẩn. Nếu không quy định chính sách tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì địa phương không có cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất việc hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập. Điều này chưa bảo đảm sự đồng bộ giữa yêu cầu chuẩn hóa trình độ được đào tạo với cơ chế hỗ



trợ cần thiết để thực hiện yêu cầu đó trên địa bàn tỉnh.

Việc không ban hành chính sách sẽ không bảo đảm sự thống nhất trong phát triển đội ngũ nhà giáo giữa các loại hình cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, nhất là giữa khu vực công lập và ngoài công lập. Nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập cũng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục, giảng dạy trẻ em, học sinh và cùng phải đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa trình độ được đào tạo theo quy định. Do đó, nếu chính sách hỗ trợ đạt chuẩn trình độ chỉ áp dụng đối với đội ngũ trong các cơ sở giáo dục công lập mà không có cơ chế phù hợp đối với đội ngũ ngoài công lập thì việc phát triển đội ngũ nhà giáo sẽ thiếu tính đồng bộ, chưa bảo đảm mặt bằng chung về chuẩn trình độ, chất lượng chuyên môn giữa các loại hình cơ sở giáo dục; đồng thời chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu xã hội hóa giáo dục gắn với nâng cao chất lượng và bảo đảm công bằng trong tiếp cận chính sách.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp này không yêu cầu bố trí kinh phí ngân sách địa phương cho nội dung hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí đối với đội ngũ ngoài công lập. Nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc diện đào tạo đạt chuẩn trình độ vẫn phải tự bảo đảm chi phí học tập hoặc phụ thuộc vào khả năng hỗ trợ của cơ sở giáo dục nơi công tác. Trong điều kiện một số cơ sở giáo dục ngoài công lập còn hạn chế về nguồn lực, chế độ đãi ngộ của đội ngũ chưa đồng đều, việc không có chính sách hỗ trợ của tỉnh có thể tạo thêm khó khăn cho người học, nhất là giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở ngoài công lập phải đạt trình độ chuẩn theo quy định.

Về lâu dài, giải pháp này có thể ảnh hưởng đến tiến độ chuẩn hóa đội ngũ trong khu vực ngoài công lập, làm cho chất lượng đội ngũ giữa các loại hình cơ sở giáo dục thiếu đồng đều. Đối với lĩnh vực giáo dục mầm non và phổ thông, chất lượng nhà giáo là yếu tố trực tiếp tác động đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em, học sinh. Nếu đội ngũ ngoài công lập không được hỗ trợ phù hợp trong quá trình đạt trình độ chuẩn thì mục tiêu phát triển đồng bộ hệ thống giáo dục của tỉnh sẽ gặp khó khăn, nhất là trong bối cảnh nhu cầu của Nhân dân đối với dịch vụ giáo dục ngoài công lập ngày càng tăng.

Giải pháp này cũng chưa tạo được cơ chế động viên, khích lệ đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý ngoài công lập chủ động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ, gắn bó lâu dài với nghề. Việc quy định cơ chế hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ ngoài công lập sẽ góp phần tạo sự thống nhất trong triển khai lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo giữa các loại hình cơ sở giáo dục; khuyến khích nhà giáo, cán bộ quản lý chủ động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ; qua đó bảo đảm mục tiêu phát triển đội ngũ nhà giáo đồng bộ, chất lượng, đáp ứng yêu cầu xã hội hóa giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Tác động về giới: Chính sách liên quan đến đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập, trong đó giáo dục mầm non và tiểu học có tỷ lệ nữ cao. Nếu không quy định hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí, giáo viên nữ

tại các cơ sở ngoài công lập sẽ chịu áp lực lớn hơn về tài chính, thời gian học tập, trách nhiệm gia đình và yêu cầu duy trì việc làm. Điều này ảnh hưởng đến cơ hội phát triển nghề nghiệp, nâng cao trình độ và ổn định công tác của đội ngũ nữ nhà giáo trong khu vực ngoài công lập.

Giải pháp không ban hành chính sách tuy không tạo ra sự phân biệt trực tiếp về giới nhưng chưa hỗ trợ hiệu quả cho nhóm lao động nữ chiếm tỷ lệ lớn trong ngành giáo dục, nhất là giáo dục mầm non ngoài công lập. Do đó, xét về bình đẳng giới thực chất, giải pháp này chưa đáp ứng tốt yêu cầu tạo điều kiện để nữ nhà giáo được tiếp cận công bằng với cơ hội đào tạo, nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không đặt ra quy trình quản lý riêng về rà soát, tổng hợp, xác nhận, thanh toán học phí hoặc truy lĩnh học phí cho đội ngũ ngoài công lập. Nếu không quy định chính sách thì sẽ chưa có căn cứ thống nhất để xác định đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; qua đó ảnh hưởng đến tính đồng bộ, công khai, minh bạch và khả thi trong tổ chức thực hiện.

*b) Giải pháp 2:* Ban hành chính sách hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn phù hợp với chủ trương phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo, bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển nghề nghiệp giữa các loại hình cơ sở giáo dục. Chính sách có cơ sở từ Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, Nghị định số 311/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan về đào tạo, bồi dưỡng, nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên.

Nghị định số 311/2025/NĐ-CP là cơ sở để địa phương xem xét thực hiện chính sách hỗ trợ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập khi tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn. Vì vậy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhóm đối tượng này là cần thiết nhằm quy định rõ ai được hỗ trợ, được hỗ trợ nội dung gì, mức hỗ trợ như thế nào, kinh phí từ đâu và cơ quan, đơn vị nào chịu trách nhiệm thực hiện. Chính sách này không quy định khác với quy định của Trung ương mà cụ thể hóa việc tổ chức thực hiện tại địa phương, bảo đảm thống nhất, công khai, minh bạch và phù hợp thẩm quyền của tỉnh.

Việc đưa cơ sở giáo dục ngoài công lập vào phạm vi hỗ trợ phù hợp với quan điểm giáo dục ngoài công lập là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ngoài công lập cũng trực tiếp thực hiện

nhệm vụ chăm sóc, giáo dục, giảng dạy trẻ em, học sinh trên địa bàn tỉnh. Do đó, việc hỗ trợ đội ngũ này đạt trình độ chuẩn góp phần bảo đảm sự thống nhất về yêu cầu chất lượng đội ngũ, không phân biệt loại hình cơ sở giáo dục trong thực hiện mục tiêu chuẩn hóa.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp này yêu cầu ngân sách địa phương bố trí kinh phí để hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn lập đủ điều kiện theo quy định. Theo kết quả rà soát, số giáo viên ngoài công lập đã tham gia đào tạo và đăng ký nhu cầu đào tạo trong giai đoạn 2026-2030 là 78 người; kinh phí dự kiến phải chi trả là 1.703.418.000 đồng. Đây là khoản kinh phí có đối tượng cụ thể, có căn cứ từ hồ sơ đào tạo, mức học phí của cơ sở đào tạo và tình trạng chưa được thanh toán học phí, bảo đảm có thể rà soát, kiểm chứng và thực hiện theo quy định.

Trong thời gian tới, khi chính sách được ban hành, kinh phí hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn tiếp tục tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn sẽ được xác định trên cơ sở số lượng người được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo, ngành đào tạo, thời gian đào tạo, mức thu học phí của cơ sở đào tạo và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Việc quy định chính sách là cần thiết để địa phương chủ động dự báo, lập dự toán, bố trí nguồn kinh phí hằng năm; đồng thời tạo điều kiện để đội ngũ ngoài công lập yên tâm tham gia đào tạo, nâng cao trình độ, góp phần bảo đảm sự thống nhất trong phát triển đội ngũ nhà giáo giữa các loại hình cơ sở giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Chính sách có tác động tích cực trực tiếp đối với nhà giáo, cán bộ quản lý ngoài công lập, vì giúp giảm gánh nặng chi phí học tập, bảo đảm quyền lợi cho người đã tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn nhưng chưa được thanh toán học phí, đồng thời khuyến khích người thuộc diện phải đạt trình độ chuẩn tiếp tục tham gia đào tạo. Đây là yếu tố quan trọng để tạo sự đồng thuận trong triển khai lộ trình chuẩn hóa trình độ được đào tạo, nhất là đối với khu vực ngoài công lập, nơi điều kiện hỗ trợ của từng cơ sở giáo dục có thể khác nhau.

Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập, chính sách góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, ổn định nhân sự, tăng khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn nghề nghiệp, chuẩn trình độ được đào tạo. Khi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý ngoài công lập được hỗ trợ đạt trình độ chuẩn, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em, học sinh trong khu vực ngoài công lập được nâng lên, góp phần bảo đảm chất lượng giáo dục chung của tỉnh, giảm khoảng cách giữa khu vực công lập và ngoài công lập.

Đối với xã hội, chính sách góp phần khuyến khích xã hội hóa giáo dục đi đôi với bảo đảm chất lượng. Việc hỗ trợ đội ngũ ngoài công lập không chỉ là hỗ trợ cá nhân người học mà còn là đầu tư cho chất lượng dịch vụ giáo dục. Chính

sách thể hiện trách nhiệm của địa phương trong phát triển toàn diện hệ thống giáo dục, tạo điều kiện để mọi trẻ em, học sinh, dù học ở cơ sở công lập hay ngoài công lập, đều được tiếp cận đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn trình độ, có năng lực chuyên môn phù hợp.

- Tác động về giới: Chính sách có tác động tích cực về giới, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục mầm non và tiểu học ngoài công lập, nơi đội ngũ giáo viên nữ chiếm tỷ lệ lớn. Việc hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí giúp nữ nhà giáo giảm áp lực tài chính khi tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn, tạo điều kiện để tiếp tục học tập, nâng cao trình độ, ổn định việc làm và gắn bó với nghề. Chính sách không quy định ưu tiên theo giới, nhưng do đặc thù cơ cấu lao động trong ngành giáo dục, nhất là giáo dục mầm non ngoài công lập, tác động hỗ trợ nhiều đối với nữ nhà giáo.

Chính sách cũng góp phần bảo đảm bình đẳng về cơ hội phát triển nghề nghiệp giữa giáo viên nữ và giáo viên nam, giữa đội ngũ công lập và ngoài công lập. Việc hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí giúp giảm khó khăn về kinh tế đối với người học, tạo điều kiện để đội ngũ nhà giáo ngoài công lập, trong đó có số lượng lớn lao động nữ, tiếp cận tốt hơn với yêu cầu chuẩn hóa trình độ được đào tạo.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không đặt ra thủ tục hành chính mới đối với người thụ hưởng, không hình thành một thủ tục riêng ngoài quy trình quản lý hiện hành. Việc rà soát, tổng hợp, xác nhận danh sách, thanh toán và quyết toán kinh phí được thực hiện trong quy trình quản lý nội bộ của ngành giáo dục, cơ sở giáo dục và quy trình quản lý ngân sách nhà nước. Hồ sơ làm căn cứ hỗ trợ chủ yếu dựa trên các tài liệu đã có, gồm văn bản cử đi đào tạo hoặc xác nhận thuộc diện nâng trình độ chuẩn, bằng tốt nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh hoàn thành chương trình đào tạo, chứng từ hoặc xác nhận học phí của cơ sở đào tạo, xác nhận tình trạng chưa được thanh toán học phí và danh sách do cơ sở giáo dục lập.

Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập, trách nhiệm quản lý nhân sự và xác nhận hồ sơ cần được quy định chặt chẽ. Cơ sở giáo dục ngoài công lập, theo thẩm quyền quản lý nhân sự của mình, chịu trách nhiệm toàn diện về việc rà soát đối tượng, kiểm tra điều kiện, đối chiếu hồ sơ, xác nhận quá trình công tác, quá trình đào tạo, mức học phí đã nộp, tình trạng chưa được thanh toán và lập danh sách đề nghị hỗ trợ. Người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, danh sách và thông tin liên quan đến nhà giáo, cán bộ quản lý thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

Người thụ hưởng có trách nhiệm kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh việc tham gia đào tạo, kết quả đào tạo, mức học phí đã nộp và tình trạng chưa được thanh toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu cung cấp.

## ***2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp***

Giải pháp tối ưu được lựa chọn là ban hành chính sách hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn.

Việc lựa chọn giải pháp này là cần thiết vì bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu chuẩn hóa trình độ được đào tạo theo quy định của Chính phủ với cơ chế hỗ trợ cụ thể của địa phương; đồng thời bảo đảm công bằng trong phát triển đội ngũ giữa cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập. Chính sách giúp địa phương có cơ sở pháp lý rõ ràng để xác định đối tượng, điều kiện, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

Giải pháp này có ý nghĩa quan trọng trong việc động viên, khích lệ nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập chủ động tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn, gắn bó với nghề và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc hỗ trợ học phí, truy lĩnh học phí không chỉ bảo đảm quyền lợi của cá nhân người học mà còn góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ tại khu vực ngoài công lập, khuyến khích xã hội hóa giáo dục, chuẩn hóa, nâng cao chất lượng và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục.

Việc ban hành chính sách cũng phù hợp với khả năng quản lý của địa phương do phạm vi đối tượng có thể rà soát, danh sách có thể xác nhận thông qua cơ sở giáo dục, hồ sơ đào tạo và chứng từ học phí; quy trình thực hiện có thể tích hợp trong quản lý nhân sự, quản lý chuyên môn và quản lý ngân sách hiện hành. Vì vậy, đây là giải pháp có cơ sở pháp lý, có căn cứ thực tiễn, có tính khả thi và phù hợp với mục tiêu phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

## **3. Chính sách 3: Hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục**

### ***3.1. Đánh giá tác động***

*a) Giải pháp 1:* Không quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Trường hợp không quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, việc cử nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đi đào tạo tiếp tục thực hiện theo các quy định chung của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và quy chế của từng cơ quan, đơn vị. Giải pháp này không bổ sung chính sách riêng của địa phương, không tạo thêm quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với nhiệm vụ đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo.

Tuy nhiên, giai đoạn 2026 - 2030 đặt ra yêu cầu cao hơn đối với chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhất là về trình độ chuyên môn, năng

lực quản trị, năng lực đổi mới phương pháp giáo dục và đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của tỉnh. Nếu chỉ thực hiện theo các quy định chung về đào tạo mà không có chính sách hỗ trợ cụ thể của địa phương thì chưa tạo được cơ chế để khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ tham gia đào tạo trên chuẩn gắn với nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Luật Giáo dục; Luật Nhà giáo; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP; Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025; Thông tư số 100/2025/TT-BTC và các văn bản của tỉnh về phát triển giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ là cơ sở quan trọng để địa phương cụ thể hóa chính sách hỗ trợ đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành giáo dục. Nếu không có chính sách của tỉnh, việc đào tạo trên chuẩn sẽ thiếu cơ chế hỗ trợ, không tạo được sự thống nhất để chọn cử người tham gia đào tạo, bố trí kinh phí và gắn kết việc đào tạo với nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành.

Đối với công chức ngành giáo dục thuộc nhóm cán bộ quản lý giáo dục, việc hỗ trợ đào tạo trên chuẩn có tính cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng tham mưu, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách giáo dục ở cấp tỉnh. Đây là lực lượng trực tiếp nghiên cứu, tham mưu văn bản, hướng dẫn chuyên môn, tổng hợp số liệu, xây dựng kế hoạch, kiểm tra, đánh giá và đề xuất các giải pháp quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Khi được tham gia đào tạo nâng cao trình độ, công chức cấp Sở sẽ có điều kiện cập nhật kiến thức chuyên sâu, nâng cao năng lực tham mưu, phân tích chính sách, quản lý nhà nước về giáo dục, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, quản lý chất lượng và hội nhập quốc tế. Qua đó, đội ngũ này có thể thực hiện tốt hơn vai trò tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá và tổ chức triển khai các nhiệm vụ đột phá phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp này trước mắt không yêu cầu bố trí kinh phí ngân sách địa phương cho chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn. Tuy nhiên, nếu không có chính sách hỗ trợ riêng của tỉnh, kinh phí tham gia đào tạo trên chuẩn của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chủ yếu do cá nhân tự bảo đảm hoặc phụ thuộc vào khả năng cân đối, quy chế chi tiêu nội bộ của từng cơ quan, đơn vị. Điều này có thể ảnh hưởng đến động lực tham gia đào tạo, nhất là đối với đội ngũ ở các địa bàn còn khó khăn, người có thu nhập chưa cao hoặc người có điều kiện gia đình, công tác chưa thuận lợi.

Về lâu dài, việc không có chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn sẽ chưa tạo được cơ chế để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Trong khi đó, yêu cầu phát triển giáo dục giai đoạn 2026 - 2030 đòi hỏi đội ngũ này phải có trình độ chuyên môn sâu, năng lực nghiên cứu, năng lực tham mưu chính sách, quản trị nhà trường, quản lý chất lượng, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, hội nhập và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đổi mới giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Giải pháp này cũng chưa tạo được cơ chế khuyến khích đội ngũ có năng

lực, có triển vọng tiếp tục học tập nâng cao trình độ để góp phần mạnh mẽ vào mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Tác động về giới: Giải pháp không quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn không tạo ra sự phân biệt trực tiếp về giới. Tuy nhiên, trong thực tế, đội ngũ nhà giáo, nhất là ở giáo dục mầm non, tiểu học, có tỷ lệ nữ cao. Nếu không có cơ chế hỗ trợ kinh phí phù hợp, nữ nhà giáo, nữ cán bộ quản lý giáo dục có thể gặp nhiều khó khăn hơn khi tham gia đào tạo trên chuẩn do phải cân đối giữa nhiệm vụ công tác, học tập và trách nhiệm gia đình.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không đặt ra thủ tục hành chính mới. Tuy nhiên, do không có chính sách cụ thể nên chưa có căn cứ thống nhất để xác định đối tượng được ưu tiên đào tạo, điều kiện cử đi học, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc quản lý người học sau đào tạo. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính chủ động của cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và cơ quan tài chính trong lập kế hoạch, dự toán, theo dõi, kiểm tra và đánh giá hiệu quả đào tạo.

*b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục*

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục. Chính sách có cơ sở từ Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo, Luật Ngân sách nhà nước, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 89/2021/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP, Thông tư số 100/2025/TT-BTC và các văn bản của tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

Chính sách này quy định cụ thể hóa cơ chế hỗ trợ của tỉnh đối với các trường hợp được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo, phù hợp với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn ngạch công chức, nhu cầu sử dụng và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành giáo dục phù hợp với chủ trương của Trung ương. Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách sẽ tạo cơ sở pháp lý thống nhất để xác định đối tượng, điều kiện, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và nghĩa vụ của người được hỗ trợ sau khi hoàn thành đào tạo.

Chính sách cũng góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa chủ trương phát triển đội ngũ của tỉnh với cơ chế bố trí nguồn lực thực hiện. Đây là căn cứ quan trọng để các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, cử người đi học,

quản lý người học, sử dụng đội ngũ sau đào tạo và đánh giá hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp này yêu cầu ngân sách địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo cho các đối tượng đủ điều kiện. Theo dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết, chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn gồm hai nhóm kinh phí chính: hỗ trợ đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non cho 52 người, với kinh phí dự kiến 4.160.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo trình độ thạc sĩ cho 375 người, với kinh phí dự kiến 41.250.000.000 đồng; hỗ trợ đào tạo trình độ tiến sĩ cho 12 người, với kinh phí dự kiến 3.360.000.000 đồng. Tổng kinh phí dự kiến cho nhóm chính sách này là 48.770.000.000 đồng. Mức hỗ trợ dự kiến làm tròn trong Nghị quyết là 80.000.000 đồng/người/khóa đào tạo đối với đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non; 110.000.000 đồng/người/khóa đào tạo đối với đào tạo trình độ thạc sĩ và 280.000.000 đồng/người/khóa đào tạo đối với đào tạo trình độ tiến sĩ.

Số kinh phí trên là nguồn đầu tư trực tiếp cho phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Chính sách giúp giảm gánh nặng chi phí học tập đối với người được cử đi đào tạo, tạo động lực để đội ngũ có đủ điều kiện tiếp tục học tập nâng cao trình độ, gắn bó với ngành và đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của tỉnh. Việc hỗ trợ đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học ngành Giáo dục mầm non góp phần nâng cao trình độ đội ngũ ở cấp học nền tảng, bảo đảm chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Việc hỗ trợ đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ góp phần hình thành đội ngũ có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng tham gia nghiên cứu, đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy, quản lý, tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Đối với các cơ sở giáo dục, chính sách góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, tạo nguồn nhân lực có trình độ cao. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, chính sách góp phần nâng cao chất lượng công chức tham mưu, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh. Về mặt xã hội, chính sách có tác động tích cực đến chất lượng giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực, niềm tin của đội ngũ đối với chính sách phát triển giáo dục của tỉnh, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Tác động về giới: Chính sách đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt giới tính. Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục nếu đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, vị trí việc làm, nhu cầu sử dụng và được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo thì được xem xét hỗ trợ theo quy định. Do đội ngũ giáo dục mầm non, tiểu học có tỷ lệ nữ cao, chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn sẽ tạo điều kiện thuận lợi để nữ nhà giáo, nữ cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp, ổn định công tác.

Chính sách có tác động tích cực trong việc mở rộng cơ hội tiếp cận đào tạo cho đội ngũ nữ, nhất là đối với những trường hợp có năng lực, có nhu cầu học tập



nhưng còn khó khăn về kinh phí. Việc hỗ trợ đào tạo trên chuẩn góp phần nâng cao vị thế nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và cơ hội phát triển của nữ nhà giáo trong ngành giáo dục, phù hợp với yêu cầu thúc đẩy bình đẳng giới trong phát triển nguồn nhân lực.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không đặt ra thủ tục hành chính mới đối với người được cử đi đào tạo. Việc lựa chọn, cử đi học, quản lý người học, thanh toán kinh phí và quyết toán được thực hiện trong quy trình quản lý công chức, viên chức, quản lý nhân sự của cơ quan, đơn vị và quy trình quản lý ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Người được hỗ trợ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chương trình đào tạo, chấp hành quyết định cử đi học, cung cấp hồ sơ, chứng từ hợp lệ phục vụ việc thanh toán, quyết toán kinh phí; sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo thời gian cam kết và thực hiện nghĩa vụ hoàn trả kinh phí đào tạo trong các trường hợp phải đền bù theo quy định. Cơ quan quản lý, sử dụng công chức, viên chức chịu trách nhiệm theo thẩm quyền trong việc xác định nhu cầu đào tạo, lựa chọn đúng đối tượng, kiểm tra điều kiện, lập danh sách, theo dõi quá trình học tập, bố trí sử dụng sau đào tạo và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, danh sách đề nghị hỗ trợ. Cơ quan tài chính thực hiện hướng dẫn, tổng hợp, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Cách thức tổ chức thực hiện như trên bảo đảm chính sách được triển khai công khai, minh bạch, đúng đối tượng, gắn với nhu cầu sử dụng nhân lực và nâng cao trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong quản lý người được cử đi đào tạo.

### ***3.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp***

Giải pháp tối ưu được lựa chọn là ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo trên chuẩn trình độ được đào tạo đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục.

Việc lựa chọn giải pháp này là cần thiết vì đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục có trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực quản lý, năng lực tham mưu phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Chính sách tạo cơ sở pháp lý và cơ sở ngân sách để địa phương chủ động hỗ trợ đào tạo trên chuẩn đối với các trường hợp thật sự cần thiết, có đủ điều kiện, được cấp có thẩm quyền cử đi học, gắn với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành.

Với tổng kinh phí dự kiến 48.770.000.000 đồng cho đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học ngành Giáo dục mầm non và đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, chính sách có quy mô cụ thể, đối tượng rõ, nội dung hỗ trợ xác định được và có thể cân đối trong kế hoạch ngân sách giai đoạn 2026 - 2030. Đây là khoản kinh phí cần thiết cho chất lượng đội ngũ, có tác động lâu dài đến chất lượng giáo dục, chất

lượng quản lý nhà nước về giáo dục và chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Chính sách cũng có ý nghĩa động viên, khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục chủ động học tập, nâng cao trình độ, gắn bó với ngành, đóng góp cho sự phát triển giáo dục của địa phương. Việc ban hành chính sách là phù hợp về pháp lý, cần thiết về thực tiễn, khả thi về tổ chức thực hiện và đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

#### **4. Chính sách 4: Hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học**

##### **4.1. Đánh giá tác động**

*a) Giải pháp 1:* Không quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Trường hợp không quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học, việc cử nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục tham gia đào tạo sẽ tiếp tục thực hiện theo các quy định chung về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và quy chế chi tiêu nội bộ của từng cơ quan, đơn vị. Giải pháp này không bổ sung cơ chế chính sách riêng của tỉnh đối với nhiệm vụ phát triển đội ngũ có năng lực tiếng Anh, chưa tạo được căn cứ pháp lý cụ thể để xác định đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030.

Tuy nhiên, yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn tới đặt ra nhiệm vụ nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, từng bước thực hiện định hướng đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Nếu chỉ thực hiện theo quy định chung mà không có chính sách hỗ trợ cụ thể của tỉnh, thì việc đào tạo bổ sung đội ngũ có trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh chưa có cơ chế để triển khai thống nhất, có trọng tâm, phù hợp nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành giáo dục địa phương.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp này trước mắt không yêu cầu ngân sách địa phương bố trí kinh phí riêng cho nội dung hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học. Tuy nhiên, nếu không có chính sách hỗ trợ của tỉnh, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục khi tham gia đào tạo chủ yếu phải tự bảo đảm kinh phí hoặc phụ thuộc vào khả năng cân đối của từng cơ quan, đơn vị. Điều này chưa tạo được cơ chế hỗ trợ thống nhất, ổn định để khuyến khích đội ngũ có năng lực, có nhu cầu và đáp ứng điều kiện tham gia đào tạo phục vụ nhiệm vụ phát triển giáo dục của tỉnh.

Việc chưa có chính sách hỗ trợ đào tạo tiếng Anh đối với người đã có bằng đại học sẽ chưa tạo được nguồn nhân lực đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học bằng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục, nhất là trong bối cảnh tỉnh đang triển khai các nhiệm vụ về đổi mới giáo dục, hội nhập, chuyển đổi

số, mở rộng môi trường sử dụng tiếng Anh trong trường học và nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh.

- Tác động về giới: Giải pháp không quy định chính sách hỗ trợ không tạo ra sự phân biệt trực tiếp về giới. Tuy nhiên, trong ngành giáo dục, đội ngũ nữ chiếm tỷ lệ lớn, nhất là ở giáo dục mầm non, tiểu học. Nếu không có cơ chế hỗ trợ kinh phí đào tạo phù hợp, cơ hội tham gia đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, đặc biệt là đào tạo văn bằng đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh, có thể chưa thuận lợi đối với một bộ phận nữ nhà giáo, nữ cán bộ quản lý giáo dục và nữ công chức ngành giáo dục. Do đó, giải pháp này chưa tạo được điều kiện hỗ trợ thiết thực để mở rộng cơ hội phát triển nghề nghiệp bình đẳng cho đội ngũ.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không đặt ra thủ tục hành chính mới. Tuy nhiên, nếu không quy định chính sách thì chưa có căn cứ thống nhất để các cơ quan, đơn vị xác định nhu cầu đào tạo, lựa chọn đối tượng, xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí, quản lý người học và sử dụng đội ngũ sau đào tạo. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính chủ động, đồng bộ và hiệu quả trong việc phát triển đội ngũ có năng lực tiếng Anh phục vụ nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của tỉnh.

*b) Giải pháp 2:* Ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế. Chính sách có căn cứ theo Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo, Luật Ngân sách nhà nước, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và các văn bản của tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo, dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục.

Chính sách cụ thể hóa cơ chế hỗ trợ của địa phương đối với những trường hợp đã có bằng đại học, được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh hoặc ngôn ngữ Anh, phù hợp với vị trí việc làm, nhu cầu sử dụng, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành giáo dục phù hợp với chủ trương của Trung ương. Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách sẽ tạo cơ sở pháp lý thống nhất để tổ chức thực hiện, bảo đảm đúng đối tượng, đúng mục tiêu và phù hợp thẩm quyền của địa phương.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp này yêu cầu ngân sách địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học. Theo dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết, số lượng dự kiến được hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh là 196 người, với tổng kinh phí 19.600.000.000 đồng; mức hỗ trợ dự kiến làm tròn trong Nghị quyết là 100.000.000 đồng/người/khóa đào tạo.

Số kinh phí này là nguồn đầu tư trực tiếp cho phát triển đội ngũ có năng lực ngoại ngữ, góp phần thực hiện định hướng nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong trường học. Chính sách giúp giảm gánh nặng chi phí học tập đối với người được cử đi đào tạo, tạo động lực để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục có đủ điều kiện tham gia đào tạo, nâng cao trình độ, phục vụ yêu cầu phát triển giáo dục của tỉnh.

Đối với các cơ sở giáo dục, chính sách góp phần bổ sung đội ngũ có khả năng giảng dạy, hỗ trợ chuyên môn, tổ chức hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh, tham gia xây dựng môi trường học tập ngoại ngữ và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đối với cơ quan quản lý giáo dục, đội ngũ công chức được đào tạo ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh có điều kiện nâng cao năng lực tham mưu, nghiên cứu, tiếp cận tài liệu quốc tế, phối hợp triển khai các chương trình, đề án về ngoại ngữ, hội nhập và phát triển giáo dục. Về mặt xã hội, chính sách góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ của nguồn nhân lực giáo dục, tạo nền tảng để học sinh được tiếp cận tốt hơn với tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu hội nhập, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tác động về giới: Chính sách đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt giới tính. Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục nếu đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, nhu cầu sử dụng và được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo thì được xem xét hỗ trợ theo quy định. Do đặc thù ngành giáo dục có tỷ lệ nữ cao, chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh sẽ tạo thêm cơ hội để nữ nhà giáo, nữ cán bộ quản lý giáo dục và nữ công chức ngành giáo dục nâng cao trình độ ngoại ngữ, mở rộng năng lực nghề nghiệp, tăng khả năng tham gia vào các nhiệm vụ đổi mới giáo dục, hội nhập và phát triển chuyên môn.

Chính sách có tác động tích cực trong việc giảm rào cản về chi phí đào tạo, qua đó góp phần bảo đảm cơ hội phát triển nghề nghiệp công bằng cho đội ngũ trong ngành giáo dục, nhất là đối với những người có năng lực, có nhu cầu học tập nhưng còn khó khăn về kinh phí.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không đặt ra thủ tục hành chính mới đối với người được cử đi đào tạo. Việc lựa chọn, cử đi học, quản lý người học, thanh toán kinh phí và quyết toán được thực hiện trong quy trình quản lý công chức, viên chức, quản lý nhân sự của cơ quan, đơn vị và quy trình quản lý ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Người được hỗ trợ có trách nhiệm chấp hành quyết định cử đi đào tạo, hoàn thành chương trình học, cung cấp hồ sơ, chứng từ hợp lệ phục vụ việc thanh toán, quyết toán kinh phí; sau khi hoàn thành đào tạo phải thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị theo cam kết và thực hiện nghĩa vụ hoàn trả kinh phí đào tạo trong các trường hợp phải đền bù theo quy định. Cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục và cơ quan sử dụng công chức, viên chức chịu trách nhiệm theo thẩm quyền quản lý nhân sự trong việc xác định nhu cầu đào tạo, lựa chọn đúng đối tượng, kiểm tra điều kiện, lập danh sách, quản lý quá trình học tập, bố trí sử dụng sau đào tạo và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, danh sách đề nghị hỗ trợ.

Cơ quan tài chính thực hiện hướng dẫn, tổng hợp, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Việc tổ chức thực hiện như trên bảo đảm chính sách được triển khai công khai, minh bạch, đúng đối tượng, gắn với nhu cầu sử dụng đội ngũ và nhiệm vụ phát triển năng lực tiếng Anh trong ngành giáo dục của tỉnh.

#### ***4.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp***

Giải pháp tối ưu được lựa chọn là ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh đối với người đã có bằng đại học.

Việc lựa chọn giải pháp này là cần thiết vì phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh, phát triển đội ngũ có năng lực ngoại ngữ, từng bước thực hiện định hướng đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Chính sách tạo cơ sở pháp lý và cơ sở ngân sách để tỉnh chủ động hỗ trợ đào tạo đối với những người đã có bằng đại học, có nhu cầu, đủ điều kiện và được cấp có thẩm quyền cử đi học, gắn với nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành giáo dục.

Với số lượng dự kiến 196 người và tổng kinh phí 19.600.000.000 đồng, chính sách có phạm vi cụ thể, đối tượng rõ, mức hỗ trợ xác định được và có khả năng cân đối trong kế hoạch ngân sách giai đoạn 2026 - 2030. Đây là khoản kinh phí cần thiết nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục, tạo nguồn lực phục vụ đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Chính sách cũng có ý nghĩa động viên, khuyến khích đội ngũ chủ động học tập, nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Việc ban hành chính sách là phù hợp về pháp lý, cần thiết về thực tiễn, khả thi về nguồn lực và tổ chức thực hiện, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

### **III. PHỤ LỤC**

Kinh phí thực hiện các chính sách trong dự thảo Nghị quyết được tính toán trên cơ sở số lượng đối tượng dự kiến thụ hưởng, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ dự kiến và thời gian thực hiện chính sách trong giai đoạn 2026 - 2030. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết dự kiến là 94.650.648.000 đồng, do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Về lợi ích trực tiếp, chính sách góp phần bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng được chi trả, truy lĩnh học phí nâng trình độ chuẩn; đồng thời hỗ trợ một phần kinh phí đối với các trường hợp được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo đạt chuẩn, trên chuẩn trình độ được đào tạo và đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm tiếng Anh, ngôn ngữ Anh. Qua đó, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có thêm điều kiện tham gia đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực quản lý, năng lực ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức và nhiệm vụ được giao.

Về lợi ích gián tiếp, chính sách góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao năng lực quản trị cơ sở giáo dục, chất lượng dạy học, chất lượng giáo dục ngoại ngữ, năng lực tham mưu, quản lý nhà nước về giáo dục và hiệu quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đổi mới giáo dục. Chính sách cũng tạo điều kiện để tỉnh chủ động phát triển nguồn nhân lực giáo dục có trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, hội nhập và phát triển giáo dục, đào tạo trong giai đoạn 2026 - 2030.

Về tính khả thi, các chính sách được đề xuất đều có căn cứ pháp lý và thực tiễn; đối tượng thụ hưởng được xác định trên cơ sở quyết định cử đi đào tạo, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn ngạch công chức, nhu cầu sử dụng và kế hoạch phát triển đội ngũ của ngành giáo dục. Tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết đã được rà soát, dự toán theo từng nội dung chính sách, bảo đảm có cơ sở để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Để chính sách được triển khai hiệu quả, cần quy định rõ thẩm quyền cử đi đào tạo, trách nhiệm của cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý nhân sự trong việc lập danh sách, xác nhận đối tượng, quản lý hồ sơ, công khai kết quả; trách nhiệm của cơ quan tài chính trong hướng dẫn, kiểm tra, quyết toán kinh phí; trách nhiệm của người được hỗ trợ trong việc hoàn thành chương trình đào tạo và thực hiện cam kết nhiệm vụ sau đào tạo.

Từ các phân tích nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp yêu cầu thực tiễn và có khả năng thực hiện trên cơ sở dự toán kinh phí đã rà soát. Chính sách có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quyền lợi của đội ngũ, tạo động lực học tập, nâng cao trình độ, góp phần phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và công chức ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn mới.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
  - Các sở: Tư pháp; Nội vụ;  
Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
  - Ủy ban MTTQ tỉnh;
  - Lãnh đạo Sở;
  - Lưu: VT, TCHC.
- Maiđth.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Hưng**